TIẾN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 21/2024/DSST
Ngày: 26 – 3 – 2024.
" V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuê tài sản"

CỘNG HIỆP XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Văn Lập.
2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa bà Đặng Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2023/TLST - DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuê tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXX - ST ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H.
Địa chỉ trụ sở chính: B N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Quốc T – Chức vụ tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T1 – Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân (Có mặt).
Địa chỉ: Số G N, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn*: 1/ Bà Lê Thị T2, sinh năm: 1966 (Vắng mặt).
2/ Ông Lê Văn Hoài L, sinh năm: 1980 (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Vủ G, sinh năm: 1989.
Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
Người đại diện hợp pháp của anh G là ông Trần Văn B, sinh năm: 1971 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn* Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H *do anh* Trần Quốc T1 *làm đại diện trình bày*:

Ngân hàng TMCP P đã cho bà Lê Thị T2 và ông Lê Văn Hoài L vay tiền theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 17312/22MN/HĐBĐ ngày 18/04/2022; khế ước nhận nợ số: 17312/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 18/04/2022 như sau:

TT	Hợp đồng tín dụng	Khế ước nhận nợ	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Lãi suất
01	17312/22MN/HĐTD	17312/22MN/HĐTD/KUNN01	18/04/2022	18/04/2023	11%/năn

Và thẻ tín dụng *của bà T2 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 192 ngày 12/07/2021 số tiền 20.000.000 đồng*

1. Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa số 329 + 18, tờ bản đồ 18, địa chỉ: ấp H, Xã H, Huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 682436 số vào sổ cấp GCN: CH03305 do Ủy Ban Nhân Dân Huyện V cấp ngày 31/03/2013, cập nhật thay đổi ngay 14/09/2017

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 098888 số vào sổ cấp GCN: CS03303 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 09/08/2017, cập nhật thay đổi ngay 14/09/2017

Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10770/21MN/HĐBĐ do Văn Phòng C chứng nhận ngày 15/04/2021. Số Công Chứng 05327, quyển số 02/2021 TP/CC-SCC/HĐGD. và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 10770/21MN/HĐBĐ/PL01. Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 15/04/2021. Tính đến thời điểm hiện nay, bà T2 và ông L đã vi phạm Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 17312/22MN/HĐBĐ ngày 18/04/2022; khế ước nhận nợ số: 17312/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 18/04/2022 và Thẻ tín dụng của bà T2 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 192 ngày 12/07/2021 số tiền 20.000.000 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng bà T2 và ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Cụ thể: đến ngày 01/12/2023, tổng số tiền của bà T2 và ông L còn nợ Ngân hàng là:
- Nợ gốc: 300.000.000đ
- Nợ lãi: 82.694.046đ
- Tổng dư nợ: **382.694.046đ**

- Và thẻ tín dụng của bà T2 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 192 ngày 12/07/2021 số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/3/2024 là **15.078.216đ.**

- Bà Lê Thị T2 và ông Lê Văn Hoài L đã vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký với H1. Vì vậy, H1 tiến hành khởi kiện thu hồi nợ trước hạn đối với Bà Lê Thị T2 và Ông Lê Văn Hoài L.

* Nay Ngân hàng TMCP P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Bà Lê Thị T2 và Ông Lê Văn Hoài L phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi là **382.694.046** đồng cho H1 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận theo các hợp đồng cụ thể sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 17312/22MN/HĐBĐ ngày 18/04/2022 và khế ước nhận nợ số: 17312/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 18/04/2022 giữa H1 với bà T2 và ông L, và thẻ tín dụng của bà T2 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 192 ngày 12/07/2021 số tiền **15.078.216đ.**

- Trường hợp bà T2 và ông L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H1, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại H1 là: Quyền sử dụng đất thửa số 329 + 18, tờ bản đồ 18 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 682436 số vào sổ cấp GCN: CH03305 do Ủy Ban Nhân Dân Huyện V cấp ngày 31/03/2013, cập nhật thay đổi ngay 14/09/2017.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 098888 số vào sổ cấp GCN: CS03303 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 09/08/2017, cập nhật thay đổi ngay 14/09/2017.)

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo trên được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ Bà Lê Thị T2 và Ông Lê Văn Hoài L đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Bà Lê Thị T2 và Ông Lê Văn Hoài L tại H1, thì Bà Lê Thị T2 và Ông Lê Văn Hoài L phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh** Huỳnh Vủ G **do ông** Trần Văn B **làm đại diện trình bày*:**

Trước đây anh G do ông B làm đại diện có đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà T2 ông L bồi thường thiệt hại cho anh G số tiền 315.000.000đ là tiền thiệt hại về tài sản do vi phạm hợp đồng. Nay xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện lý do đã thỏa thuận xong với bị đơn.

Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ bà Lê Thị T2 và ông Lê Văn Hoài L lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

** Quan điểm của Viện kiểm sát*:

- Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không vi phạm.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà T2, ông L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 26/3/2024 là 382.694.046đ theo hợp đồng tín dụng và 15.078.216đ nợ thẻ.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Huỳnh Vủ G do ông Trần Văn B làm đại diện.

- Chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ là 2.100.000đ buộc bà Lê Thị T2 và anh Lê Văn Hoài L phải chịu toàn bộ.

- Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà T2, ông L và tranh chấp hợp đồng thuê tài sản giữa anh G và bà T2, ông L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T2, ông L đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (gọi tắt Ngân hàng H1) và bà T2, ông L có ký kết hợp đồng tín hạn mức số tiền 300.000.000đ. Mục đích vay là để bổ sung vốn trồng cam, hiệu lực của hợp đồng là 60 tháng, kể từ ngày 18/4/2022 đến 18/4/2027. Bà T2, ông L có thế chấp cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 329 diện tích 1.254,6m^2 đất lúa và thửa đất số 18 diện tích 4.321,9m^2 đất lúa tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi vay thì bà T2, ông L không thực hiện nghĩa vụ và vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu bà T2, ông L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi là 382.694.046đ và nợ thẻ là 15.078.216đ Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện Ngân hàng H1 đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng tín dụng hạn mức số 17312/22/MN/HĐTD ngày 18/4/2022 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án có tống đạt các văn bản tố tụng và gửi các tài liệu chứng cứ cho bà T2, ông L nhưng phía bà T2 ông L vẫn cố tình lánh mặt không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như yêu cầu của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Vủ G. Trước đây anh G yêu cầu bà T2, ông L bồi thường tiền thiệt hại hợp đồng là 315.000.000đ nhưng tại đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập ngày 22/3/2024 người đại diện hợp pháp của anh Huỳnh Vủ G là ông Trần Văn B đã xin rút lại toàn bộ yêu cầu do đã thỏa thuận với bị đơn nên đình chỉ yêu cầu này của anh G do ông B làm đại diện.

[4] Bà T2, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án về yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy những người tham gia ký kết các hợp đồng nêu trên đều đúng thẩm quyền, ký kết trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hợp đồng được lập thành văn bản theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 317, 385, 398, 401, 463 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91 của Luật các Tổ chức tín dụng, do vậy các Hợp đồng nêu trên là Hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[5] Xét trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức 17312/22MN/HĐBĐ ngày 18/04/2022 và khế ước nhận nợ số: 17312/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 18/04/2022 giữa H1 với bà T2 và ông L, và thẻ tín dụng của bà T2 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 192 ngày 12/07/2021 số tiền 20.000.000đ thì bà T2 ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận. Nên Ngân hàng khởi kiện là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[6] Tính đến ngày 26/3/2024 thì bà T2, ông L chưa thanh toán được cho Ngân hàng H1 số tiền vốn gốc của các Hợp đồng tín dụng hạn mức và thẻ tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu bà T2, ông L phải trả lại số tiền vốn vay tổng cộng là 300.000.000đ và nợ thẻ là 9.387.114đ là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu tính lãi thì theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức 17312/22MN/HĐBĐ ngày 18/04/2022 và khế ước nhận nợ số: 17312/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 18/04/2022 giữa H1 với bà T2 và ông L, và thẻ tín dụng của bà T2 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 192 ngày 12/07/2021 các bên đều thỏa thuận lãi suất là 11%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy mức lãi suất này là do các bên tự thỏa thuận và phù hợp với Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng nên chấp nhận. Phương thức tính lãi theo đại diện của Ngân hàng là bắt đầu tính lãi quá hạn trên số vốn gốc khi vốn gốc này đến thời gian trả ghi trên hợp đồng, vốn gốc còn lại mặc dù đã chuyển quá hạn nhưng vẫn tính lãi trong hạn cho đến khi vốn gốc đó đến thời gian trả ghi trên trên hợp đồng. Phương thức tính lãi này là có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với hợp đồng nên chấp nhận.

[8] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 17312/22MN/HĐBĐ ngày 18/04/2022 và khế ước nhận nợ số: 17312/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 18/04/2022 giữa H1 với bà T2 và ông L được bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BK 682436 số vào sổ cấp GCN: CH03305 do Ủy Ban Nhân Dân Huyện V cấp ngày 31/03/2013, cập nhật thay đổi ngay 14/09/2017 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 098888 số vào sổ cấp GCN: CS03303 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 09/08/2017, cập nhật thay đổi ngay 14/09/2017, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà T2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Do đó, trường hợp bà T2, ông L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10770/21MN/HĐBĐ ngày 15/4/2021 để thu hồi nợ.

[9] Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H do anh Trần Quốc T1 làm đại diện.

Buộc bà Lê Thị T2 và Lê Văn H L phải trả cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H số tiền vốn và lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức 17312/22MN/HĐBĐ ngày 18/04/2022 và khế ước nhận nợ số: 17312/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 18/04/2022 tính đến ngày 26/3/2024 là 382.694.046đ và thẻ tín dụng của bà T2 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 192 ngày 12/07/2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/3/2024) 15.078.216đ. Đồng thời, bà T2, ông L còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng này cho đến khi bà T2, ông L trả hết nợ. Trường hợp bà T2, ông L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức 17312/22MN/HĐBĐ ngày 18/04/2022 và khế ước nhận nợ số: 17312/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 18/04/2022 và thẻ tín dụng của bà T2 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 192 ngày 12/07/2021 thì Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp

theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BK 682436 số vào sổ cấp GCN: CH03305 do Ủy Ban Nhân Dân Huyện V cấp ngày 31/03/2013, cập nhật thay đổi ngay 14/09/2017. Phần đất thuộc thửa số 329 diện tích 1.254,6m^2 tờ bản đồ số 18, đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 098888 số vào sổ cấp GCN: CS03303 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 09/08/2017, cập nhật thay đổi ngay 14/09/2017. Phần đất thuộc thửa số 18 diện tích 4.321,9m^2 tờ bản đồ số 18, đất lúa.

Hai thửa đất trên tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà T2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

[10] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Huỳnh Vủ G do ông Trần Văn B làm đại diện về việc yêu cầu bà T2, ông L bồi thường số tiền 315.000.000đ.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[11] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.100.000đ. Buộc bà T2 và ông L phải chịu toàn bộ chi phí này. Do đó, bà T2, ông L phải nộp 500.000đ để hoàn trả lại cho Ngân hàng và 1.600.000đ để hoàn trả cho anh G do Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H và anh G đã nộp tạm ứng trước.

[12] Án phí sơ thẩm: Buộc bà T2, ông L phải nộp số tiền 19.889.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 48, Điều 217, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 30, Điều 45, Điều 46 của Luật thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H.

1. Buộc bà Lê Thị T2 và ông Lê Văn Hoài L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H số tiền vốn và lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 17312/22MN/HĐBĐ ngày 18/04/2022 và khế ước nhận nợ số: 17312/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 18/04/2022 tính đến ngày 26/3/2024 là ***382.694.046đ (Ba trăm tám mươi hai triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng)*** và thẻ tín dụng của bà Lê Thị T2 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 192 ngày 12/07/2021 tính đến ngày 26/3/2024 là ***15.078.216đ (Mười lăm triệu không trăm bảy mươi tám ngàn hai trăm mười sáu đồng)***. Đồng thời, bà Lê Thị T2 và ông Lê Văn Hoài L còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng này cho đến khi bà Lê Thị T2 và ông Lê Văn Hoài L trả hết nợ. Trường hợp bà Lê Thị T2 và ông Lê Văn Hoài L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BK 682436 số vào sổ cấp GCN: CH03305 do Ủy Ban Nhân Dân Huyện V cấp ngày 31/03/2013, cập nhật thay đổi ngày 14/09/2017. Phần đất thuộc thửa số 329

diện tích 1.254,6m^2 tờ bản đồ số 18, đất lúa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 098888 số vào sổ cấp GCN: CS03303 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 09/08/2017, cập nhật thay đổi ngày 14/09/2017. Phần đất thuộc thửa số 18 diện tích 4.321,9m^2 tờ bản đồ số 18, đất lúa.

Hai thửa đất trên tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do bà Lê Thị T2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để thu hồi nợ.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Huỳnh Vủ G do ông Trần Văn B làm đại diện về việc yêu cầu bà Lê Thị T2, ông Lê Văn Hoài L bồi thường số tiền 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm ngàn đồng). Buộc bà Lê Thị T2 và ông Lê Văn Hoài L phải chịu toàn bộ chi phí này. Do đó, bà Lê Thị T2, ông Lê Văn Hoài L phải nộp 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng và 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng) để hoàn trả cho anh Huỳnh Vủ G. Do Ngân hàng và anh Huỳnh Vủ G đã nộp tạm ứng trước.

5. Án phí sơ thẩm:

+ Buộc bà Lê Thị T2 và ông Lê Văn Hoài L phải nộp 19.889.000đ (Mười chín triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H số tiền tạm ứng án phí 8.319.000đ (Tám triệu ba trăm mười chín nghìn đồng) theo biên lai thu số Nº 0009440 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

+ Anh Huỳnh Vủ G do ông Trần Văn B làm đại diện không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho anh Huỳnh Vủ G do ông Trần Văn B làm đại diện số tiền tạm ứng án phí 7.875.000đ (Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số Nº 0009688 ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường